

Hướng dẫn giải các bài tập trang 73 đến 75 **Bài 64: Phép trừ sách giáo khoa Toán lớp 3 bộ sách Kết nối tri thức (KNTT)** thuộc chương trình mới chi tiết và chính xác nhất sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích dành cho phụ huynh và các em học sinh.

Giải Toán KNTT lớp 3 trang 73, 74 Hoạt động

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 73 Bài 1: Tính?

Bài 64 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000

Khám phá

Số dân của phường mình ở là 23 285 người.

Số dân của phường mình ở là 12 967 người.

Số dân của phường nào nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu người?

$23\ 285 - 12\ 967 = ?$

$$\begin{array}{r} 23\ 285 \\ - 12\ 967 \\ \hline 10\ 318 \end{array}$$

- 5 không trừ được 7, lấy 15 trừ 7 bằng 8, viết 8 nhớ 1.
- 8 trừ 1 bằng 7, 7 trừ 6 bằng 1, viết 1.
- 2 không trừ được 9, lấy 12 trừ 9 bằng 3, viết 3 nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, 2 trừ 2 bằng 0, viết 0.
- 2 trừ 1 bằng 1, viết 1.

$23\ 285 - 12\ 967 = 10\ 318$

hoạt động

1 Tính.

$\begin{array}{r} 84\ 758 \\ - 43\ 265 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 79\ 363 \\ - 5\ 819 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 34\ 635 \\ - 927 \\ \hline \end{array}$
---	--	---

2 Đặt tính rồi tính.

$\begin{array}{r} 97\ 358 - 89\ 263 \\ 75\ 046 - 32\ 638 \end{array}$	$\begin{array}{r} 56\ 492 - 56 \\ 16\ 519 - 8\ 245 \end{array}$
---	---

Lời giải:

$\begin{array}{r} 84758 \\ - 43265 \\ \hline 41493 \end{array}$	$\begin{array}{r} 79363 \\ - 5819 \\ \hline 73544 \end{array}$	$\begin{array}{r} 34635 \\ - 927 \\ \hline 33708 \end{array}$
---	--	---

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 73 Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$97\ 358 - 89\ 263$$

$$56\ 492 - 56$$

$$75\ 046 - 32\ 638$$

$$16\ 519 - 8\ 245$$

Lời giải:

$\begin{array}{r} 97358 \\ - 89263 \\ \hline 8095 \end{array}$	$\begin{array}{r} 56492 \\ - 56 \\ \hline 56436 \end{array}$	$\begin{array}{r} 75046 \\ - 32638 \\ \hline 42408 \end{array}$	$\begin{array}{r} 16519 \\ - 8245 \\ \hline 8274 \end{array}$
--	--	---	---

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 74 Bài 3: Tính nhẩm (theo mẫu):

3 Tính nhẩm (theo mẫu).

Mẫu: $13\ 000 - 6\ 000 = ?$

Nhẩm: 13 nghìn – 6 nghìn = 7 nghìn

$13\ 000 - 6\ 000 = 7\ 000$

a) $15\ 000 - 7\ 000$

b) $12\ 000 - 5\ 000$

c) $17\ 000 - 8\ 000$

4 Trong ba tháng đầu năm, một nhà máy sản xuất đồ chơi đã sản xuất được 24 500 xe ô tô. Tháng 1 nhà máy bán đi 10 600 xe ô tô, tháng 2 nhà máy bán đi 9 500 xe ô tô. Hỏi nhà máy còn lại bao nhiêu xe ô tô đồ chơi?



1 Tính nhẩm (theo mẫu).

a)

Mẫu: $80\ 000 - 50\ 000 = ?$

Nhẩm: 8 chục nghìn – 5 chục nghìn = 3 chục nghìn

$80\ 000 - 50\ 000 = 30\ 000$

$60\ 000 - 20\ 000$

$90\ 000 - 70\ 000$

$100\ 000 - 40\ 000$

b)

Mẫu: $38\ 000 - 4\ 000 = ?$

Nhẩm: 38 nghìn – 4 nghìn = 34 nghìn

$38\ 000 - 4\ 000 = 34\ 000$

$57\ 000 - 3\ 000$

$43\ 000 - 8\ 000$

$86\ 000 - 5\ 000$

2 Đặt tính rồi tính.

$97\ 582 - 81\ 645$

$56\ 938 - 9\ 456$

$43\ 572 - 637$

a) $15\ 000 - 7\ 000$

b) $12\ 000 - 5\ 000$

c) $17\ 000 - 8\ 000$

Lời giải:

a) $15\ 000 - 7\ 000$

Nhẩm: 15 nghìn – 7 nghìn = 8 nghìn

$$15\ 000 - 7\ 000 = 8\ 000$$

b) $12\ 000 - 5\ 000$

Nhẩm: 12 nghìn – 5 nghìn = 7 nghìn

$$12\ 000 - 5\ 000 = 7\ 000$$

c) $17\ 000 - 8\ 000$

Nhẩm: 17 nghìn – 8 nghìn = 9 nghìn

$$17\ 000 - 8\ 000 = 9\ 000$$

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 74 Bài 4: Trong ba tháng đầu năm, một nhà máy sản xuất đồ chơi đã sản xuất được 24 500 xe ô tô. Tháng 1 nhà máy bán đi 10 600 xe ô tô, tháng 2 nhà máy bán đi 9 500 xe ô tô. Hỏi nhà máy còn lại bao nhiêu xe ô tô đồ chơi?

Lời giải:

Nhà máy đã bán được số xe ô tô đồ chơi là:

$$10\ 600 + 9\ 500 = 20\ 100 \text{ (xe ô tô đồ chơi)}$$

Nhà máy còn lại số xe ô tô đồ chơi là:

$$24\ 500 - 20\ 100 = 4\ 400 \text{ (xe ô tô đồ chơi)}$$

Đáp số: 4 400 xe ô tô đồ chơi

Giải Toán lớp 3 KNTT trang 74, 75 Luyện tập

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 74 Bài 1: Tính nhẩm (theo mẫu):

a)

Mẫu: $80\ 000 - 50\ 000 = ?$
 Nhẩm: 8 chục nghìn – 5 chục nghìn = 3 chục nghìn
 $80\ 000 - 50\ 000 = 30\ 000$

$60\ 000 - 20\ 000$ $90\ 000 - 70\ 000$ $100\ 000 - 40\ 000$

b)

Mẫu: $38\ 000 - 4\ 000 = ?$
 Nhẩm: 38 nghìn – 4 nghìn = 34 nghìn
 $38\ 000 - 4\ 000 = 34\ 000$

$57\ 000 - 3\ 000$ $43\ 000 - 8\ 000$ $86\ 000 - 5\ 000$

Lời giải:

a)

$$60\ 000 - 20\ 000$$

Nhẩm: 6 chục nghìn – 2 chục nghìn = 4 chục nghìn

$$60\ 000 - 20\ 000 = 40\ 000$$

$$90\ 000 - 70\ 000$$

Nhẩm: 9 chục nghìn – 7 nghìn = 2 chục nghìn

$$90\ 000 - 70\ 000 = 20\ 000$$

$$100\ 000 - 40\ 000$$

Nhẩm: 1 trăm nghìn – 4 chục nghìn = 6 chục nghìn

$$100\ 000 - 40\ 000 = 60\ 000$$

b)

$$57\ 000 - 3\ 000$$

Nhẩm: 57 nghìn – 3 nghìn = 54 nghìn

$$57\ 000 - 3\ 000 = 54\ 000$$

$$43\ 000 - 8\ 000$$

Nhẩm: 43 nghìn – 8 nghìn = 35 nghìn

$$43\ 000 - 8\ 000 = 35\ 000$$

$$86\ 000 - 5\ 000$$

Nhẩm: 86 nghìn – 5 nghìn = 81 nghìn

$$86\ 000 - 5\ 000 = 81\ 000$$

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 74 Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$97\ 582 - 81\ 645$$

$$56\ 938 - 9\ 456$$

$$43\ 572 - 637$$

Lời giải:

97582	56938	43572
81645	9456	637
15937	47482	42935

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 75 Bài 3: Trong hai biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị lớn hơn?

a) $70\ 000 - 9\ 000 + 6\ 023$

b) $93\ 279 - 3\ 279 - 20\ 000$



Lời giải:

a)

$$70\ 000 - 9\ 000 + 6\ 023$$

$$= 61\ 000 + 6\ 023$$

$$= 67\,023$$

b)

$$93\,279 - 3\,279 - 20\,000$$

$$= 90\,000 - 20\,000$$

$$= 70\,000$$

Biểu thức B có giá trị lớn hơn.

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 75 Bài 4: Đường từ nhà An đến thị xã gồm một đoạn lên dốc và một đoạn xuống dốc. Đoạn đường lên dốc dài 6 700m, đoạn đường xuống dốc ngắn hơn đoạn đường lên dốc là 2 900m. Hỏi đường từ nhà An đến thị xã dài bao nhiêu mét?

3 Trong hai biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị lớn hơn?

a) $70\ 000 - 9\ 000 + 6\ 023$

b) $93\ 279 - 3\ 279 - 20\ 000$



4 Đường từ nhà An đến thị xã gồm một đoạn lên dốc và một đoạn xuống dốc. Đoạn đường lên dốc dài 6 700 m, đoạn đường xuống dốc ngắn hơn đoạn đường lên dốc là 2 900 m. Hỏi đường từ nhà An đến thị xã dài bao nhiêu mét?



5 Tìm hiệu của số lớn nhất có năm chữ số và số bé nhất có ba chữ số khác nhau.

Lời giải:

Đoạn đường xuống dốc dài là:

$$6700 - 2900 = 3800 \text{ (m)}$$

Đường từ nhà An đến thị xã dài là:

$$6700 + 3800 = 10500 \text{ (m)}$$

Đáp số: 10500 mét

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 75 Bài 5: Tìm hiệu của số lớn nhất có năm chữ số và số bé nhất có 3 chữ số khác nhau.

Lời giải:

Số lớn nhất có 5 chữ số là: 99 999

Số bé nhất có ba chữ số khác nhau là: 102

Hiệu hai số đó là:

$$99\ 999 - 102 = 99\ 897$$

Đáp số: 99 897